

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Điện thoại: (060) 3864 958 - Fax: (060) 3862 969

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2016 đến 31/12/2016

kèm theo

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP**

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số 3 - ngõ 1295 đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (04) 3 974 5081/82 Fax: (04) 3 974 5083

Hà Nội, tháng 02 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàn, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Điện thoại: (060) 3864 958 - Fax: (060) 3862 969

MỤC LỤC

Nội dung	Trang số
Báo cáo của hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét	4 - 5
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016</i>	6 - 7
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2016 đến ngày 31/12/2016</i>	8
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2016 đến ngày 31/12/2016</i>	9
<i>Thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2016 đến ngày 31/12/2016</i>	10 - 35

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Báo cáo của Ban giám đốc

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàn, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (060) 3864 958 - Fax: (060) 3862 969

từ ngày 01/07/2016 đến ngày 31/12/2016

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đường Kon Tum trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2016 đến 31/12/2016.

Khái quát chung về Công ty Cổ phần Đường Kon Tum

Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Đường Kon Tum) theo quyết định số 1459/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 12/05/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6100228104, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 27/10/2006 và đăng kí thay đổi lần thứ 8 ngày 18/11/2015.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: KTS

Công ty có trụ sở tại: km số 2, thôn Kon Rờ Bàn, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

1 Ông Đặng Việt Anh	Chủ tịch HĐQT
2 Ông Lê Hồng Thái	Phó chủ tịch HĐQT
3 Ông Trần Ngọc Hiếu	Ủy viên
4 Ông Nguyễn Thắng	Ủy viên
5 Ông Nguyễn Sỹ Hà	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc:

1 Ông Lê Hồng Thái	Tổng Giám đốc
2 Ông Nguyễn Thắng	Phó Tổng Giám đốc
3 Ông Hồ Minh Tường	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát:

1 Bà Trần Thị Nhi	Trưởng ban
2 Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên
3 Ông Nguyễn Đức Cần	Thành viên

Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2016 đến ngày 31/12/2016 của Công ty được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Đại diện cho

Công ty Cổ phần Đường Kon Tum



Chau
TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Hồng Thái

Tổng Giám đốc

Lê Hồng Thái

Kon Tum, ngày 02 tháng 02 năm 2017



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82

Email: cpahanoi@fpt.vn

Fax: (84) 4 3974 5083

Website: www.cpahanoi.com



Số: 04 /2017/CPA HANOI - BCKT

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2016 đến ngày 31/12/2016
của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum

Kính gửi:

CÁC CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum được lập ngày 20/01/2017, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2016 đến ngày 31/12/2016 được trình bày từ trang 06 đến trang 35 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 31/12/2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2016 đến 31/12/2016 đã soát xét, được lập thành 07 bản tiếng Việt; các bản có giá trị pháp lý như nhau Công ty cổ phần Đường Kon Tum giữ 06 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI
Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tĩnh

Giấy CNĐKHNKT số: 0132-2013-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
A.TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		110.273.320.133	105.504.128.229
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	560.928.828	56.230.344.912
1.Tiền	111		560.928.828	730.344.912
2.Các khoản tương đương tiền	112		-	55.500.000.000
II.Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	130		80.350.289.024	43.999.122.754
1.Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	33.337.500.000	35.599.675.000
2.Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	47.405.609.578	8.100.026.774
3.Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.2	3.140.000.000	3.140.000.000
4.Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	568.298.592	1.076.529.731
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(4.101.119.146)	(3.917.108.751)
IV.Hàng tồn kho	140	V.7	23.275.261.295	5.197.361.879
1.Hàng tồn kho	141		23.275.261.295	5.197.361.879
2.Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.Tài sản ngắn hạn khác	150		6.086.840.986	77.298.684
1.Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11.1	5.079.578.122	77.298.684
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.004.819.296	-
3.Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	2.443.568	-
B.TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC	200		57.169.816.842	41.568.708.508
I.Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II.Tài sản cố định	220		52.701.868.424	40.586.748.786
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	51.348.982.207	39.278.324.103
- Nguyên giá	222		174.366.443.862	167.324.660.026
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(123.017.461.655)	(128.046.335.923)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	1.352.886.217	1.308.424.683
- Nguyên giá	228		1.958.794.286	1.912.794.286
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(605.908.069)	(604.369.603)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.597.374.825	559.892.462
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	2.597.374.825	559.892.462
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.870.573.593	422.067.260
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.2	1.870.573.593	422.067.260
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		167.443.136.975	147.072.836.737

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Điện thoại: (060) 3864 958 - Fax: (060) 3862 969

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/07/2016 đến ngày 31/12/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Kỳ trước
1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		50.065.877.148	7.160.505.626
I. Nợ ngắn hạn	310		50.065.877.148	7.160.505.626
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	17.609.641.220	78.391.170
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		566.950	566.950
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	813.008.230	686.573.702
4. Phải trả người lao động	314		2.062.517.045	4.385.466.409
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	11.122.222	500
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	101.255.620	15.420.551
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	19.920.000.000	1.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9.547.765.861	1.993.086.344
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		117.377.259.827	139.912.331.111
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	117.377.171.645	139.912.242.929
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.700.000.000	50.700.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.700.000.000	50.700.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.609.812.512	2.609.812.512
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.674.216.181	18.674.216.181
5. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		5.136.360.000	5.136.360.000
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		40.256.782.952	62.791.854.236
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		33.706.413.250	29.737.444.371
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.550.369.702	33.054.409.865
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		88.182	88.182
1. Nguồn kinh phí	431	V.23	88.182	88.182
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		167.443.136.975	147.072.836.737

Người lập biểu



Phan Dạ Uyên

Kế toán trưởng



Hồ Minh Tường

Kon Tum, ngày 2 tháng 02 năm 2017



Tổng Giám đốc



Lê Hồng Thái

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2016 đến 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/07/2015 đến 31/12/2015
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	34.048.778.401	90.039.661.028
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	298.890.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.3	34.048.778.401	89.740.771.028
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	26.558.301.833	77.886.832.650
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.490.476.568	11.853.938.378
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	2.213.755.230	2.932.997.154
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	64.445.833	500.432.993
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		64.445.833	500.432.993
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7	146.853.681	744.931.696
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	1.791.124.133	5.061.298.862
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.701.808.151	8.480.271.981
11. Thu nhập khác	31	VI.9	266.352.727	300.794.333
12. Chi phí khác	32	VI.10	1.180.765.679	365.576.583
13. Lợi nhuận khác	40		(914.412.952)	(64.782.250)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.787.395.199	8.415.489.731
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	237.025.497	116.819.842
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		6.550.369.702	8.298.669.889
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.13	1.292	1.637

Người lập biểu



Phan Dạ Uyên

Kế toán trưởng



Hồ Minh Tường

Kon Tum, ngày 02 tháng 02 năm 2017



Tổng Giám đốc

Lê Hồng Thái

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2016 đến 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/07/2015 đến 31/12/2015
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		37.820.628.636	150.502.323.400
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(66.727.339.035)	(44.129.717.241)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(6.222.108.847)	(8.226.466.664)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(53.324.111)	(525.537.044)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(242.503.799)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		611.466.711	1.217.927.060
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4.618.916.695)	(13.959.631.675)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(39.432.097.140)	84.878.897.836
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(19.380.146.782)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		63.636.364	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.670.319.274	2.734.816.744
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(16.646.191.144)	2.734.816.744
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	VII.1	20.170.000.000	34.338.963.764
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII.2	(251.000.000)	(64.302.700.985)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(19.510.127.800)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		408.872.200	(29.963.737.221)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(55.669.416.084)	57.649.977.359
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		56.230.344.912	144.480.505
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61			-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		560.928.828	57.794.457.864

Người lập biểu



Phan Dạ Uyên

Kế toán trưởng



Hồ Minh Tường

Kon Tum, ngày 02 tháng 02 năm 2017

Tổng Giám đốc




Lê Hồng Thái

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2016 đến 31/12/2016

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Đường Kon Tum) theo quyết định số 1459/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 12/05/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6100228104, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 27/10/2006 và đăng kí thay đổi lần thứ 8 ngày 18/11/2015.

Công ty có trụ sở tại: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN.

Vốn điều lệ của Công ty trên đăng ký kinh doanh là: 50.700.000.000 đồng

(Bảng chữ: Năm mươi tỷ bảy trăm triệu đồng).

Cơ cấu vốn điều lệ:	Số cổ phần	Thành tiền	Phần trăm
<i>Ông Nguyễn Tất Đạt</i>	358.800	3.588.000.000	7,08%
<i>Công ty TNHH Kim Hà Việt</i>	760.500	7.605.000.000	15,00%
<i>Các cổ đông khác</i>	3.950.700	39.507.000.000	77,92%
Tổng Cộng	5.070.000	50.700.000.000	100%

2 Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh đường.**3 Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất đường;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất truyền tải và phân phối điện;
- Trồng cây mía;
- Mua phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp;
- Sản xuất bao bì;
- Lắp đặt máy móc, thiết bị;
- Gia công sản xuất các sản phẩm cơ khí;

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán năm :**

Năm 2015 trở về trước, kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN
Điện thoại: (060) 3864 958 - Fax: (060) 3862 969

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/07/2016 đến ngày 31/12/2016

Từ năm 2016, căn cứ theo thông báo số 40/HDQT ngày 14/04/2016 năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 7 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm liền kề.

Theo đó:

Năm tài khóa đầu tiên áp dụng niên độ mới: bắt đầu từ ngày 01/01/2016 kết thúc ngày 30/06/2016.

Bắt đầu từ năm tài khóa thứ 2 áp dụng niên độ mới thì ngày bắt đầu là ngày 01 tháng 07 năm này và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm liền kề.

- Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán, lập và trình bày báo cáo tài chính là: Đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

- Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và thông tư thay đổi bổ sung kèm theo.
- Tuyên bố tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Chúng tôi, Công ty cổ phần Đường Kon Tum, tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

1 Các loại tỷ giá hối đoái sử dụng trong kế toán:

a Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế:

- Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:
- + Tỷ giá giao dịch khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại.
- + Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- b Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ: Tỷ giá ghi sổ gồm tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động.**
 - Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh: Là tỷ giá khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định theo tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc tại thời điểm đánh giá lại cuối kỳ của từng đối tượng.
 - Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động là tỷ giá được sử dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, được xác định trên cơ sở lấy tổng giá trị được phản ánh tại bên Nợ tài khoản tiền chia cho số lượng ngoại tệ thực có tại thời điểm thanh toán.
- c Nguyên tắc áp dụng tỷ giá trong kế toán:**
 - Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với:
 - + Các tài khoản phản ánh doanh thu, thu nhập khác. Riêng trường hợp bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ hoặc thu nhập có liên quan đến doanh thu nhận trước hoặc giao dịch nhận trước của người mua thì doanh thu, thu nhập tương ứng với số tiền nhận trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận trước của người mua.
 - + Các tài khoản phản ánh chi phí sản xuất, kinh doanh, chi phí khác. Riêng trường hợp phân bổ khoản chi phí nhận trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thì chi phí được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước.
 - + Các tài khoản phản ánh tài sản. Riêng trường hợp tài sản được mua có liên quan đến giao dịch trả trước cho người bán thì giá trị tài sản tương ứng với số tiền trả trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước cho người bán.
 - + Tài khoản loại vốn chủ sở hữu.
 - + Bên Nợ các tài khoản phải thu; Bên Nợ các tài khoản vốn bằng tiền; Bên Nợ các tài khoản phải trả khi phát sinh giao dịch trả tiền trước cho người bán.
 - + Bên Có các tài khoản phải trả; Bên Có các tài khoản phải thu khi phát sinh giao dịch nhận trước tiền của người mua.
 - Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các loại tài khoản sau:
 - + Bên Có các tài khoản phải thu (ngoại trừ trường hợp giao dịch nhận trước tiền của người mua); Bên Nợ tài khoản phải thu khi tất toán khoản tiền nhận trước của người mua do đã chuyển giao sản phẩm, hàng hoá, TSCĐ, cung cấp dịch vụ, khối lượng được nghiệm thu; Bên Có các tài khoản ký cược, ký quỹ, chi phí trả trước.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN
Điện thoại: (060) 3864 958 - Fax: (060) 3862 969

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/07/2016 đến ngày 31/12/2016

+ Bên Nợ các tài khoản phải trả (ngoại trừ giao dịch trả trước tiền cho người bán); Bên Có tài khoản phải trả khi tất toán khoản tiền ứng trước cho người bán do đã nhận được sản phẩm, hàng hoá, TSCĐ, dịch vụ, nghiệm thu khối lượng.

+ Trường hợp trong kỳ phát sinh nhiều khoản thu hoặc phải trả bằng ngoại tệ với cùng một đối tượng thì tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động của các giao dịch đối với các đối tượng đó.

- Khi thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ, tỷ giá bình quân gia quyền di động được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán ở Bên Có các tài khoản tiền.

2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền của doanh nghiệp. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư khác có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư hoặc ngày mua trái phiếu.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

4 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại lại là dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho không bao gồm giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn và giá trị thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn.

Những chi phí không được tính vào giá gốc hàng tồn kho:

- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp....

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn kho đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp Bình quân gia quyền).

Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Theo phương pháp Kê khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập Báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Tăng giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn.

6 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình và thuê tài chính

Tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo 03 chi tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính và phù hợp với đặc điểm kinh doanh của Công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
Máy móc thiết bị	7 - 15 năm
Phương tiện vận tải	6- 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 8 năm

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN
 Điện thoại: (060) 3864 958 - Fax: (060) 3862 969

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động
 từ ngày 01/07/2016 đến ngày 31/12/2016

Phần mềm quản lý	8 năm
Tài sản cố định vô hình khác	20 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

7 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí trả trước

- Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.
- Các loại chi phí trả trước dài hạn bao gồm
 - Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng, thuê hoạt động tài sản cố định.
 - Chi phí mua bảo hiểm và các loại lệ phí mà doanh nghiệp mua và trả một lần cho nhiều kỳ kế toán.
 - Công cụ, dụng cụ, bao bì luân chuyển đồ dùng cho thuê liên quan đến hoạt động nhiều kỳ kế toán.
 - Chi phí trả trước về lãi tiền vay hoặc lãi trái phiếu ngay khi phát hành.
 - Số chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của TSCĐ bán và thuê lại là thuê hoạt động.
 - Các khoản chi phí trả trước khác phụ vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

8 Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, và các khoản phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là phải trả ngắn hạn.
- Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại lại là dài hạn.

9 Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hoá.

Đối với các khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

10 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chính sách kế toán áp dụng cho chi chí đi vay Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

11 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hoá đơn hoặc chưa đủ hồ sơ tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Ngoài ra chi phí phải trả còn phản ánh các khoản phải trả cho người lao động trong kỳ như phải trả về tiền lương nghỉ phép và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước như:

Chi phí trong thời gian doanh nghiệp ngừng sản xuất theo mùa vụ.

Trích trước chi phí lãi tiền vay phải trả trong trường hợp vay trả lãi sau, lãi trái phiếu trả sau.

Trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng hoá, thành phẩm bất động sản đã bán.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

12 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

Các khoản dự phòng phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại nhưng thường chưa xác định được thời gian thanh toán cụ thể. Các khoản này được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra.
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (060) 3864 958 - Fax: (060) 3862 969

từ ngày 01/07/2016 đến ngày 31/12/2016

Các khoản dự phòng phải trả này thường được ước tính và có thể chưa xác định được chắc chắn số sẽ phải trả. Các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa nhận hàng hoá, hàng hoá dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được phản ánh là dự phòng phải trả. Các trích trước được phản ánh vào dự phòng phải trả được, như:

Chi phí sửa chữa lớn của những tài sản đặc thù do việc sửa chữa lớn có tính chu kỳ, doanh nghiệp được phép trích trước chi phí sửa chữa lớn cho năm kế hoạch hoặc một số năm tiếp theo.

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây dựng, tái cơ cấu;

Các khoản dự phòng phải trả khác.

13 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện:

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; Khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; Và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: Khoản chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hoá, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống... Không hạch toán vào doanh thu chưa thực hiện các khoản:

- Tiền nhận trước của người mua mà doanh nghiệp chưa cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ;
- Doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ;

14 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu bao gồm:
 - + Vốn góp ban đầu, góp bổ sung của các chủ sở hữu.
 - + Các khoản được bổ sung từ các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh.
- Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

15 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng, được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn đồng thời cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

Lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng khi mua hàng hoá dịch vụ...

Cổ tức lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.

Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.

Lãi tỷ giá hối đoái và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

16 Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu được điều chỉnh giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì được coi là sự kiện cần được điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước)

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước sau điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

17 Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán ra trong kỳ. Ngoài ra nó phản ánh đến các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (060) 3864 958 - Fax: (060) 3862 969

từ ngày 01/07/2016 đến ngày 31/12/2016

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Chi phí nguyên vật liệu, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn trong kỳ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua nếu khi xuất bán hàng hoá mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì ghi giảm giá vốn hàng bán.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ được ghi giảm giá vốn hàng bán.

18 Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được ghi giảm chi phí tài chính tài chính.

19 Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng của doanh nghiệp là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản hoàn nhập dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hoá (chênh lệch giữa số phải lập dự phòng kỳ này nhỏ hơn số phải lập dự phòng kỳ trước chưa sử dụng hết) thì ghi giảm chi phí bán hàng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương và trích theo lương của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Hoàn nhập số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số phải lập dự phòng kỳ này nhỏ hơn số phải lập dự phòng kỳ trước chưa sử dụng hết) được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

20 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)

1. Tiền	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/07/2016
	VND	VND
Tiền mặt	41.729.980	20.782.597
Tiền gửi Ngân hàng	519.198.848	709.562.315
<i>Tiền gửi ngân hàng VND</i>	<i>519.198.848</i>	<i>709.562.315</i>
Ngân hàng ngoại thương Kontum	248.174.852	484.940.932
Ngân hàng Sacombank CN Kontum	6.446.235	65.174.677
Ngân hàng Công thương CN Kontum	1.856.738	3.003.746
Ngân hàng Á Châu Kontum	20.872.127	125.907.398
Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Kontum	966.972	1.404.272
Ngân hàng TMCP Đầu tư & PT Kontum	240.881.924	29.131.290
- Các khoản tương đương tiền	-	55.500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng		55.500.000.000
Cộng	560.928.828	56.230.344.912
2. Phải thu cho về cho vay	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/07/2016
	VND	VND
Phải thu về cho vay các bên không liên quan	3.140.000.000	3.140.000.000
<i>a Phải thu cho về cho vay ngắn hạn</i>	<i>3.140.000.000</i>	<i>3.140.000.000</i>
Công ty CP Nhựa Trường Thịnh (1)	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty CP Bắc Trung Bộ (2)	190.000.000	190.000.000
Công ty CP Chế biến thực phẩm XK Kiên Giang (3)	500.000.000	500.000.000
Công ty CPXD Giao thông thủy lợi Kiên Giang (4)	450.000.000	450.000.000
<i>b Phải thu cho về cho vay dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	3.140.000.000	3.140.000.000

(1) HĐ số 01/2013/HĐTD ngày 26/04/2013 thời hạn cho vay 3 tháng lãi suất 10%/năm. Từ ngày 1/3/2014 lãi suất là 0%

(2) HĐ số 02/2012/HĐTD ngày 30/8/2012, thời hạn vay 12 tháng lãi suất 13%/năm. Từ ngày 1/1/2015 lãi suất là 0%.

(3) HĐ số 03/2010/HĐTD ngày 15/6/2010 vay trả ngày 31/10/2010. Lãi suất 1,0416%/tháng. Từ ngày 1/3/2014 lãi suất là 0%.

(4) HĐ số 04/2010/HĐTD ngày 24/11/2010 gốc vay 500tr thời hạn 3tháng. Lãi suất 13%/năm. Từ ngày 1/3/2014 lãi suất là 0%.

Các khoản cho vay đều có đối chiếu hàng năm, tuy nhiên đã quá thời hạn thanh toán theo quy định và đơn vị đã trích lập dự phòng đầy đủ.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

3. Phải thu khách hàng	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/07/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khách hàng ngắn hạn	33.337.500.000	-	35.599.675.000	-
<i>Phải thu khách hàng không là các bên liên quan</i>	<i>33.337.500.000</i>	<i>-</i>	<i>35.599.675.000</i>	<i>-</i>
Công Ty CP Đầu Tư Vương Quốc Việt	32.550.000.000	-	6.599.675.000	-
Công Ty TNHH Thái Hằng Hà Tiên	-	-	29.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên	787.500.000	-	-	-
<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	47.405.609.578	(531.669.433)	8.100.026.774	(347.659.038)
<i>Trả trước khách hàng không là các bên liên quan</i>	<i>7.405.609.578</i>	<i>(531.669.433)</i>	<i>8.100.026.774</i>	<i>(347.659.038)</i>
Ngô Ngọc Cảnh	38.754.600	-	178.897.920	-
Trần Đình Hân	483.981.534	-	715.125.950	-
Các đối tượng khác	6.882.873.444	(531.669.433)	7.206.002.904	(347.659.038)
<i>Trả trước khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>40.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Công ty CP Mía đường Tuy Hòa	40.000.000.000	-	-	-
5. Phải thu khác	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/07/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác ngắn hạn	568.298.592	(429.449.713)	1.076.529.731	(429.449.713)
a Phải thu khác - TK 138	568.298.592	(429.449.713)	1.075.972.684	(429.449.713)
<i>Phải thu khác các bên không liên quan</i>	<i>568.298.592</i>	<i>(429.449.713)</i>	<i>1.075.972.684</i>	<i>(429.449.713)</i>
Cty CP Chế biến thực phẩm XK Kiên Giang	235.069.436	(235.069.436)	235.069.436	(235.069.436)
Công Ty CP Xây Dựng Giao Thông Thủy Lợi Kiên Giang	189.512.499	(189.512.499)	189.512.499	(189.512.499)
Công ty Cổ phần Bắc trung bộ	4.867.778	(4.867.778)	4.867.778	(4.867.778)
Lãi dự thu Ngân Hàng TMCP Đầu Tư & PT Kon Tum	-	-	220.972.222	-
Lãi dự thu Ngân hàng Ngoại Thương Kon Tum	-	-	144.375.000	-
Công Ty TNHH Thái Hằng Hà Tiên	-	-	157.083.333	-

Công ty Cổ phần Dầu Tư Vương Quốc Việt	97.650.000		35.748.240	
Các đối tượng khác	41.198.879		88.344.176	
<i>Phải thu khác các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>b Phải thu về tạm ứng</i>	-	-	557.047	-
6. Nợ xấu	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/07/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	4.533.727.409	432.608.263	4.093.086.090	175.977.339
<i>Trong đó dự phòng phải thu quá hạn thanh toán:</i>				
	Quá hạn 6 tháng đến dưới 1 năm	Quá hạn 1 năm đến dưới 2 năm	Quá hạn 2 năm đến dưới 3 năm	Quá hạn từ 3 năm trở lên
Công ty CP Nhựa Trường Thịnh			2.000.000.000	-
Công ty CP Bắc Trung Bộ				190.000.000
Công ty CP Chế biến thực phẩm XK Kiên Giang			-	735.069.436
Công ty CPXD Giao thông thủy lợi Kiên Giang			-	639.512.499
Công ty Cổ phần Bắc trung bộ				4.867.778
Trả trước người bán	133.731.156	312.497.838	-	85.440.439
Cộng	133.731.156	312.497.838	2.000.000.000	1.654.890.152
7. Hàng tồn kho	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/07/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.302.206.799		850.195.755	
Công cụ, dụng cụ	4.220.410.601		3.651.230.702	
CP SXKD dở dang	1.985.930.161		311.926.470	
Thành phẩm	13.993.148.975		286.415.452	
Hàng hóa	773.564.759	-	97.593.500	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	23.275.261.295	-	5.197.361.879	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Điện thoại: (060) 3864 958 - Fax: (060) 3862 969

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/07/2016 đến ngày 31/12/2016

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định					
Số dư đầu kỳ	48.302.790.808	115.823.833.130	2.742.535.873	455.500.215	167.324.660.026
- Mua trong kỳ					-
- XDCB hoàn thành	12.856.239.792	666.750.000		46.000.000	13.568.989.792
- Tăng khác					-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán	4.996.133.350	1.531.072.606			6.527.205.956
- Giảm khác				-	-
Số dư cuối kỳ	56.162.897.250	114.959.510.524	2.742.535.873	501.500.215	174.366.443.862
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	40.790.722.749	85.748.821.469	1.192.728.205	314.063.500	128.046.335.923
- Khấu hao trong kỳ	313.048.276	505.183.713	36.072.412	7.169.569	861.473.970
- Tăng khác					-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán	4.433.419.812	1.456.928.426			5.890.348.238
- Giảm khác					-
Số dư cuối kỳ	36.670.351.213	84.797.076.756	1.228.800.617	321.233.069	123.017.461.655
Giá trị còn lại của TSCĐ					
- Tại ngày đầu kỳ	7.512.068.059	30.075.011.661	1.549.807.668	141.436.715	39.278.324.103
- Tại ngày cuối kỳ	19.492.546.037	30.162.433.768	1.513.735.256	180.267.146	51.348.982.207

Note: Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 79.844.741.599 đồng

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Điện thoại: (060) 3864 958 - Fax: (060) 3862 969

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/07/2016 đến ngày 31/12/2016

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định				
Số dư đầu kỳ	1.180.000.000	589.080.000	143.714.286	1.912.794.286
- Mua trong kỳ		46.000.000		46.000.000
- XDCB hoàn thành				-
- Tăng khác				-
- Chuyển sang BĐS đầu tư				-
- Thanh lý, nhượng bán				-
- Giảm khác				-
Số dư cuối kỳ	1.180.000.000	635.080.000	143.714.286	1.958.794.286
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	-	589.080.000	15.289.603	604.369.603
- Khấu hao trong kỳ		439.640	1.098.826	1.538.466
- Tăng khác				-
- Chuyển sang BĐS đầu tư				-
- Thanh lý, nhượng bán				-
- Giảm khác				-
Số dư cuối kỳ	-	589.519.640	16.388.429	605.908.069
Giá trị còn lại của TSCĐ				
- Tại ngày đầu kỳ	1.180.000.000	-	128.424.683	1.308.424.683
- Tại ngày cuối kỳ	1.180.000.000	45.560.360	127.325.857	1.352.886.217

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (060) 3864 958 - Fax: (060) 3862 969

từ ngày 01/07/2016 đến ngày 31/12/2016

10. Chi phí XDCB dở dang:	31/12/2016	01/07/2016
	VND	VND
XDCB dở dang	2.597.374.825	36.363.637
Chi phí sửa chữa lớn	-	523.528.825
Cộng	2.597.374.825	559.892.462
11. Chi phí trả trước	31/12/2016	01/07/2016
	VND	VND
11.1 Chi phí trả trước ngắn hạn	5.079.578.122	77.298.684
Chi phí thuê đất chưa phân bổ	-	3.772.245
Chi phí bảo trì phần mềm	-	42.906.000
Chi phí sửa chữa tài sản	5.004.457.014	-
Chi phí bảo hiểm, phí đường bộ	75.121.108	30.620.439
11.2 Chi phí trả trước dài hạn	1.870.573.593	422.067.260
Chi phí CCDC chờ phân bổ	320.917.054	267.469.707
Chi phí sửa chữa tài sản	444.793.464	150.808.936
Chi phí thuê đất trả trước	1.102.098.409	-
Chi phí trả trước chờ phân bổ khác	2.764.666	3.788.617
12. Vay và nợ thuê tài chính (phụ lục 01)		
13. Phải trả người bán	31/12/2016	01/07/2016
	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	17.609.641.220	78.391.170
<i>Phải trả người bán là các bên liên quan</i>	<i>1.437.445.900</i>	<i>-</i>
Công Ty TNHH Kim Hà Việt - TK 331	1.437.445.900	-
<i>Phải trả người bán không là các bên liên quan</i>	<i>16.172.195.320</i>	<i>78.391.170</i>
Công ty TNHH XD số 06 Kon Tum	599.407.900	-
Ngô Văn Phòng	237.739.422	-
Đoàn Minh Thiên	550.446.030	-
Nguyễn Hữu Trung	184.487.769	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (060) 3864 958 - Fax: (060) 3862 969

từ ngày 01/07/2016 đến ngày 31/12/2016

Các đối tượng khác	14.600.114.199	78.391.170
--------------------	----------------	------------

*Tất cả các khoản phải trả trên đều là nợ trong hạn và Công ty có khả năng thanh toán***14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

Thuế và các khoản phải nộp NN	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT	675.119.786	76.371.100	751.490.886	-
Thuế TNDN	3.034.734	237.025.497	242.503.799	(2.443.568)
Thuế Tài nguyên	-	42.607.290	9.586.207	33.021.083
Thuế đất, tiền thuê đất		1.244.469.139	1.244.469.139	-
Thuế TNCN	8.419.182	840.215.589	68.647.624	779.987.147
Các loại thuế khác		-	-	
Cộng	686.573.702	2.440.688.615	2.316.697.655	810.564.662

15. Chi phí phải trả	31/12/2016	30/06/2016
	VND	VND

Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi phí tiền lãi vay	11.122.222	500
Cộng	11.122.222	500

16. Các khoản phải trả khác	31/12/2016	30/06/2016
	VND	VND

Ngắn hạn	101.255.620	15.420.551
Kinh phí công đoàn	8.955.620	
DNTN Quang Giảng	62.700.000	
Vô Thị Mai Liên	20.000.000	
Phải trả khác	9.600.000	15.420.551
Cộng	101.255.620	15.420.551

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Điện thoại: (060) 3864 958 - Fax: (060) 3862 969

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/07/2016 đến ngày 31/12/2016

17. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu**A- Bảng đối chiếu biến động nguồn vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	4.626.045.950	52.972.689.313	129.582.763.956
- Tăng vốn trong năm trước				510.314.050		510.314.050
- Lãi trong năm trước					33.054.409.865	33.054.409.865
- Tăng khác						-
- Giảm do trích lập quỹ KTPL và các quỹ khác					2.955.244.942	2.955.244.942
- Chia cổ tức, lợi nhuận trong kỳ					20.280.000.000	20.280.000.000
2. Số dư cuối năm trước	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	5.136.360.000	62.791.854.236	139.912.242.929
3. Số dư đầu năm nay	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	5.136.360.000	62.791.854.236	139.912.242.929
- Tăng vốn trong năm nay						-
- Lãi trong năm					6.550.369.702	6.550.369.702
- Tăng khác					-	-
- Giảm do trích lập quỹ KTPL và các quỹ khác					8.805.440.986	8.805.440.986
- Chia cổ tức, lợi nhuận trong kỳ					20.280.000.000	20.280.000.000
- Giảm khác trong năm						-
4. Số dư cuối năm	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	5.136.360.000	40.256.782.952	117.377.171.645

Note: Năm trước của đơn vị được bắt đầu từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (060) 3864 958 - Fax: (060) 3862 969

từ ngày 01/07/2016 đến ngày 31/12/2016

B. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2016	01/07/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Kim Hà Việt	7.605.000.000	7.605.000.000
Nguyễn Tất Đạt	3.588.000.000	3.588.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	39.507.000.000	39.507.000.000
Cộng	50.700.000.000	50.700.000.000
C. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:	Kỳ này	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	50.700.000.000	50.700.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	50.700.000.000	50.700.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	29.085.440.986	23.235.244.942
Chia cổ tức	20.280.000.000	20.280.000.000
Trích các quỹ	8.805.440.986	2.955.244.942
D. Cổ phiếu	31/12/2016	01/07/2016
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.070.000	5.070.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.070.000	5.070.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.070.000</i>	<i>5.070.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.070.000	5.070.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.070.000</i>	<i>5.070.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND/ 1 Cổ phiếu	
E. Cổ tức	Kỳ này	Năm trước
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	Chưa công bố	40%
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:		
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:		
F. Các quỹ doanh nghiệp	31/12/2016	01/07/2016
Quỹ đầu tư phát triển	18.674.216.181	18.674.216.181
17. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	31/12/2016	01/07/2016
Nợ khó đòi đã xử lý	11.755.504.970	11.755.504.970

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Thuyết minh báo cáo tài chính

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (060) 3864 958 - Fax: (060) 3862 969

từ ngày 01/07/2016 đến ngày 31/12/2016

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (ĐVT: VND)

1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/07/2015 đến 31/12/2015
	Doanh thu bán đường	31.339.620.952	84.509.201.520
	Doanh thu bán mật	2.250.000.000	3.507.614.289
	Doanh thu bán phân bón	459.157.449	1.861.311.223
	Doanh thu khác	-	161.533.996
	Cộng	34.048.778.401	90.039.661.028
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	298.890.000
	+ Hàng bán bị trả lại		298.890.000
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	34.048.778.401	89.740.771.028
4.	Giá vốn hàng bán	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/07/2015 đến 31/12/2015
	Giá vốn bán đường	26.099.233.992	71.735.990.450
	Giá vốn bán mật	-	3.577.752.139
	Giá vốn bán phân bón	459.067.841	1.600.458.121
	Giá vốn khác	-	972.631.940
	Cộng	26.558.301.833	77.886.832.650
5.	Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/07/2015 đến 31/12/2015
	Lãi tiền gửi, cho vay, lãi trả chậm	2.213.755.230	2.932.997.154
	Cộng	2.213.755.230	2.932.997.154
6.	Chi phí hoạt động tài chính	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/07/2015 đến 31/12/2015
	Chi phí lãi vay	64.445.833	500.432.993
	Cộng	64.445.833	500.432.993
7.	Chi phí bán hàng	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/07/2015 đến 31/12/2015
	Chi phí nhân viên	-	258.505.272
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	146.853.681	468.777.234
	Chi phí khác	-	17.649.190
	Cộng	146.853.681	744.931.696
8.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/07/2015 đến 31/12/2015
	Chi phí nhân viên quản lý	762.044.977	1.792.098.599
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	132.837.522	180.461.308

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (060) 3864 958 - Fax: (060) 3862 969

từ ngày 01/07/2016 đến ngày 31/12/2016

	Chi phí dự phòng	184.010.395	1.762.869.653
	Chi phí QLDN khác	712.231.239	1.325.869.302
	Cộng	1.791.124.133	5.061.298.862
9.	Thu nhập khác	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/07/2015 đến 31/12/2015
	Thu khác	266.352.727	300.794.333
	Cộng	266.352.727	300.794.333
10.	Chi phí khác	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/07/2015 đến 31/12/2015
	Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	210.000.000	114.000.000
	Các khoản khác	970.765.679	251.576.583
	Cộng	1.180.765.679	365.576.583
11.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/07/2015 đến 31/12/2015
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.787.395.199	8.415.489.731
	Điều chỉnh để xác định lợi nhuận chịu thuế	1.180.765.679	1.154.796.734
	<i>Điều chỉnh tăng</i>	1.180.765.679	1.154.796.734
	Lương, thù lao HĐQT không làm việc tại công ty	210.000.000	114.000.000
	Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	970.765.679	1.040.796.734
	<i>Điều chỉnh giảm</i>	-	-
	Thu nhập được miễn thuế	6.783.033.394	9.039.287.181
	Thu nhập tính thuế	1.185.127.484	530.999.284
	Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	237.025.497	116.819.842,48
12.	Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/07/2015 đến 31/12/2015
	Chi phí nguyên vật liệu	36.529.367.920	66.357.635.227
	Chi phí nhân viên	3.274.466.976	6.512.338.316
	Chi phí khấu hao TSCĐ	852.665.813	1.635.152.028
	Chi bằng tiền khác	243.901.897	5.240.143.494
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.069.690.178	698.625.002
	Cộng	42.970.092.784	80.443.894.067
13.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/07/2015 đến 31/12/2015
	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.550.369.702	8.298.669.889
	Số cổ phiếu lưu hành đầu kỳ	5.070.000	5.070.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (060) 3864 958 - Fax: (060) 3862 969

từ ngày 01/07/2016 đến ngày 31/12/2016

Số cổ phiếu phát hành thêm	-	-
Số cổ phiếu lưu hành bình quân	5.070.000	5.070.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.292	1.637

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (VND)

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

Trong năm không có khoản tiền nào do doanh nghiệp nắm giữ mà không được sử dụng.

	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016
	VND
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn theo kế ước thông thường nhận được	20.170.000.000
NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Kontum	14.550.000.000
NH TMCP BIDV - CN Kontum	5.620.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	251.000.000
NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Kontum	251.000.000
NH TMCP BIDV - CN Kontum	

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1 Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm: vốn điều lệ cộng với thặng dư vốn cổ phần trừ đi cổ phiếu quỹ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai.

Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
- Tiền và các khoản tương đương tiền	560.928.828	560.928.828
- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	84.451.408.170	80.350.289.024

Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công nợ tài chính tại

31/12/2016

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán	17.609.641.220	-	17.609.641.220
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	101.255.620	-	101.255.620

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (060) 3864 958 - Fax: (060) 3862 969

từ ngày 01/07/2016 đến ngày 31/12/2016

Chi phí phải trả	11.122.222	-	11.122.222
Vay và nợ thuê tài chính	19.920.000.000	-	19.920.000.000

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp trong nước, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn

2. Thông tin về các bên liên quan khác**2.1 Tên tổ chức/ cá nhân có liên quan****Mối quan hệ**

Công ty TNHH Kim Hà Việt

Cổ đông lớn

Ông Nguyễn Tất Đạt

Cổ đông lớn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ Cốc

Ông Lê Hồng Thái TGD là CT HĐQT

Công ty Mía đường Sơn La

Ông Đặng Việt Anh là CT HĐQT

Công ty CP Mía đường Tuy Hòa

Ông Đặng Việt Anh là Tổng Giám đốc

2.2. Doanh thu bán hàng và CCDV**Từ 01/07/2016 đến
31/12/2016**

Công ty TNHH Kim Hà Việt

-

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ Cốc

63.636.364

Cộng**63.636.364****2.3. Mua hàng hóa dịch vụ****Từ 01/07/2016 đến
31/12/2016**

Công Ty TNHH Kim Hà Việt

1.623.535.584

Công ty CP Mía đường Sơn La

272.727.273

Cộng**1.896.262.857**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (060) 3864 958 - Fax: (060) 3862 969

từ ngày 01/07/2016 đến ngày 31/12/2016

		Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016	
2.4. Doanh thu hoạt động tài chính			
Công ty Cổ phần mía đường Tuy Hòa			319.999.999
Cộng			319.999.999
2.5. Các khoản phải thu		Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/07/2016
Công ty Cổ phần mía đường Tuy Hòa - Dư Nợ TK 331		40.000.000.000	-
2.6. Các khoản phải trả		Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/07/2016
Công Ty TNHH Kim Hà Việt - TK 331		1.437.445.900	-
2.7 Thu nhập HĐQT và BKS		Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/07/2016
Thù lao HĐQT + BKS		402.000.000	253.794.480
Thu nhập ban Tổng GD và thành viên chủ chốt		261.947.257	254.608.446
Cộng		663.947.257	508.402.926

3 Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp

Công ty có kinh doanh các dịch vụ chính sau:

Kinh doanh sản xuất: đường, mật rỉ, sản phẩm vi sinh, phân bón ù men, mía giống...

Kinh doanh thương mại: Bán thành phẩm, phân bón,...

Khu vực địa lý: Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam

Thông tin về kết quả kinh doanh, của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Kỳ này	Doanh thu theo bộ phận	Chi phí theo bộ phận	KQKD theo bộ phận
Doanh thu bán đường	31.339.620.952	26.099.233.992	5.240.386.960
Doanh thu bán mật	2.250.000.000	-	2.250.000.000
Doanh thu bán phân bón	459.157.449	459.067.841	89.608
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(1.937.977.814)
Cộng	34.048.778.401	26.558.301.833	5.552.498.754

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC, Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2015 đến 31/12/2015 do Công ty lập và Báo cáo tài chính kết thúc ngày 30/06/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong kỳ hoạt động tiếp theo

6. Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Kon Tum, ngày 2 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu
Phan Dạ Uyên**Kế toán trưởng**
Hồ Minh Tường

Tổng Giám đốc

Lê Hồng Thái

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN
 Điện thoại: (060) 3864 958 - Fax: (060) 3862 969

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động
 từ ngày 01/07/2016 đến ngày 31/12/2016

Phụ lục 01**12. Vay và nợ thuê tài chính**

Khoản mục	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	19.920.000.000	19.920.000.000	20.170.000.000	251.000.000	1.000.000	1.000.000
NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Kontum (1)	14.300.000.000	14.300.000.000	14.550.000.000	251.000.000	1.000.000	1.000.000
NH TMCP BIDV - CN Kontum (2)	5.620.000.000	5.620.000.000	5.620.000.000	-	-	-
Tổng cộng	19.920.000.000	19.920.000.000	20.170.000.000	251.000.000	1.000.000	1.000.000

1. Ngân hàng Ngoại thương CN Kontum hợp đồng vay số : 123/16/NHNT ngày 08/08/2016 hạn mức vay : 100.000.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày rút vốn, lãi suất 6%/ năm, tài sản đảm bảo là toàn bộ số dư tiền gửi tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và tài sản khác của bên vay theo yêu cầu của bên cho vay nếu thực hiện không đúng, không đầy đủ các cam kết trong hợp đồng tín dụng. Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động.

2. Ngân hàng BIDV CN Kontum hợp đồng vay số : 01/2016/666424/HDTD ngày 16/08/2016, hạn mức vay : 80.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, cấp bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản đảm bảo bằng tín chấp và đảm bảo khác là toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VNĐ và ngoại tệ của khách hàng tại Ngân hàng và tại các tổ chức tín dụng khác, lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)